

Bản án số: **123** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2024

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Phạm Thị Thà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Ngô Văn T**, sinh năm 1990, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư V, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Ngô Văn T1**, sinh năm 1952, địa chỉ: Khu dân cư V, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh T, ông T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 26/01/2018. Sau khi kết, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T được khoảng nửa năm thì chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và buôn bán. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, ngoài ra còn mâu thuẫn vấn đề làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn đều được hai bên gia đình hòa giải, chị và anh T đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng nhiều và trầm trọng hơn. Năm 2022, anh T đi lao động tại Nhật Bản để phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng xa cách nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Khi anh T liên lạc về với gia đình thì anh T không quan tâm đến chị mà chỉ hỏi thăm các con. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung Ngô Văn M, sinh ngày 03/02/2019 và Ngô Bảo A, sinh ngày 12/12/2020, hiện nay các cháu đều đang ở với chị. Ly hôn chị có quan điểm được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành. Trong trường hợp anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung chị đồng ý để anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, còn chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Ngô Văn T1 (là bố đẻ của anh Ngô Văn T) trình bày: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Anh T hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, anh T không về Việt Nam để trình bày quan điểm. Thông qua gia đình anh T đã biết việc chị H có đơn xin ly hôn, anh T có quan điểm xác định vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nên nhất trí ly hôn với chị H. Về con chung, anh T xác định vợ chồng có 02 con chung Ngô Văn M, sinh ngày 03/02/2019 và Ngô Bảo A, sinh ngày 12/12/2020, hiện nay các con đều đang ở với gia đình chị H. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Văn M, còn chị H nuôi dưỡng cháu Ngô Bảo A, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau. Anh T đang làm việc tại Nhật Bản nên nhờ ông chăm sóc cháu M cho đến khi anh T về nước, ông nhất trí.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Ngô Văn T; Giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Bảo A, sinh ngày 12/12/2020 và giao cho anh T được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Văn M, sinh ngày 03/02/2019 cho đến khi trưởng thành. Hai bên không phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Ngô Văn M cho ông Ngô Văn T1 (bố đẻ anh T) chăm sóc trong thời gian anh T ở nước ngoài. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Ngô Văn T. Anh T hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị H và gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng chị H và gia đình anh T không cung cấp được. Thông qua gia đình xác định anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; ông T1 có quan điểm xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh T và ông T1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Ngô Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C (thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 26/01/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H chuyển về chung sống cùng gia đình nhà chồng, chung sống được nửa năm chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và buôn bán. Vợ chồng không chung sống cùng nhau nên thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình. Năm 2022, anh T đi lao động ở Nhật Bản, vợ chồng xa cách nên không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Chị H xác định không còn tình cảm với anh T và có đơn xin ly hôn. Thông qua gia đình, anh T xác định nhất trí ly hôn với chị H. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H, anh T có 02 con chung Ngô Văn M, sinh ngày 03/02/2019 và Ngô Bảo A, sinh ngày 12/12/2020. Chị H và anh T cùng có quan điểm sau khi ly hôn chị H sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Bảo A, anh T sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Văn M.

Xét thấy, việc thống nhất của chị H, anh T là hoàn toàn tự nguyện, do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của vợ chồng. Giao cháu Ngô Bảo A cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Ngô Văn M cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau. Tạm giao cháu M cho ông Ngô Văn T1 là bố đẻ của anh T chăm sóc con chung trong thời gian anh T đang làm việc ở nước ngoài.

Chị Trần Thị H và anh Ngô Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Ngô Bảo A, sinh ngày 12/12/2020; Giao cho anh Ngô Văn T được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Ngô Văn M, sinh ngày 03/02/2019 cho đến khi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Tạm giao cháu Ngô Văn M cho ông Ngô Văn T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không ở Việt Nam.

Chị Trần Thị H, anh Ngô Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000395 ngày 10/01/2024 (chị H đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, ông T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Chí Minh, TP Chí Linh
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

